

Lesson 2: /ʊ/ - /u:/

1. /ʊ/

foot: bàn chân	/hʊd/	put: đặt, để	/pʊt/
good: tốt	/gʊd/	push: đẩy	/pʊʃ/
wood: gỗ	/wʊd/	pull: kéo	/pʊl/

2. /u:/

food: thức ăn	/fu:d/	move: di chuyển	/mu:v/
tooth: răng	/tu:θ/	glue: hồ, keo	/glu:/
mood: tâm trạng	/mu:d/	fruit: trái cây	/fru:t/

Task 1: Look and choose the most suitable answer:

1. /θru:/

a. through

b. though

2. /dʒu:s/

a. church

b. juice

3. /'wʊd.ən/

a. wooden

b. woodan

4. /hʊk/

a. hook

b. huk

5. /'fʊt.prɪnt/

a. foodprint

b. footprint

Task 2: Look and circle the words that pronounce /ʊ/ or /u:/

1. flood - blood - could

2. jump - brought - should

3. flu - cut - hurt

4. shoes - sun - color

5. soon - some - sore